

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 15/2018/HNGĐ-PT

Ngày 11 - 7 - 2018

V/v tranh chấp Hôn nhân

và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Hà;

Bà Lương Hải Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Phạm Thị Thu Cúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thu H, năm 1975

Nơi cư trú: Số nhà 134B, Khu 8, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Hữu D (tên gọi khác là Trần Quốc D), sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Đồn biên phòng K, huyện M, tỉnh Lai Châu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Xuân B, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Thôn 3 Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

4. Người kháng cáo: Anh Trần Hữu D (tên gọi khác là Trần Quốc D) là bị đơn trong vụ án.

(Anh D có mặt ; Chị H và ông B vắng mặt, có đơn đề xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thu H và anh Trần Hữu D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2000 tại UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị H và anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị H cho rằng do anh D chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nần nhiều, không có trách nhiệm với gia đình; còn anh D cho rằng do chị H không chung thủy, nên anh chán nản, có chơi cờ và dẫn đến nợ nần. Anh chị mâu thuẫn căng thẳng, ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị H xin ly hôn, anh D nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là: Trần Việt H, sinh ngày 11/12/2001 và Trần Hữu D, sinh ngày 04/8/2009. Hiện hai con đang ở với chị H. Ly hôn anh chị thống nhất giao cả hai con cho chị H nuôi dưỡng, vì anh D công tác ở vùng biên giới có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn. Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi mỗi con với mức 2.000.000đ/1 tháng, 2 con là 4.000.000đ/1 tháng. Anh D chấp nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con với mức 750.000đ/1 tháng, 2 con là 1.500.000đ/ 1 tháng.

Về quan hệ tài sản:

- Chị H và anh D và ông Vũ Đình S và bà Đỗ Thị Đ (bố mẹ đẻ chị Hoài) trú tại số nhà 134B, Khu 8, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình thống nhất: Chị H anh D có 01 căn nhà 03 tầng và công trình phụ, diện tích sử dụng khoảng 216m² xây dựng trên diện tích đất khoảng 79m² do ông Đ bà S cho mượn. (Giá trị nhà là 526.571.000đ)

- Chị H anh D thống nhất: Anh chị có các tài sản sinh hoạt gồm: 02 máy điều hòa, 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tủ đứng, 01 tivi Sony 40inch, 01 tủ lạnh Sharp, 01 đồng hồ cây, 01 đôi lục bình gỗ, 01 bể cá, 01 máy giặt Samsung, 01 giường đôi, 01 xe máy SH mode BKS 17B1-6776. (giá trị tài sản sinh hoạt là 52.200.000đ). Giao cho chị H được sở hữu ngôi nhà trên đất của ông Đ bà S và toàn bộ tài sản, chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh D ½ giá trị tài sản.

- Về nợ chung đã thống nhất: Chị H và anh D xác nhận anh chị hiện nay có 02 khoản nợ chung gồm: Nợ ông Trần Hữu T (là anh trai anh D) 02 cây vàng 9999; Nợ bà Vũ Thị C (là cô ruột chị H) 01 cây vàng 9999; Anh chị thống nhất mỗi người có trách nhiệm trả nợ bà C ½ số nợ đó. Ông T trong quá trình xét xử sơ thẩm không yêu cầu Tòa án buộc anh D chị H trả nợ.

- Các khoản nợ không thống nhất:

+ Chị H khai anh chị có nợ của ông Đỗ Xuân B, địa chỉ tại thôn 3 Đ , xã T, huyện T , Thái Bình (là bác chị H): 03 chỉ vàng 9999, chị H yêu cầu chị và

anh D có trách nhiệm trả ông B mỗi người 1,5 chỉ vàng; và khi nộp đơn ly hôn, anh chị còn nợ chị Phạm Thị Đ, địa chỉ tại thôn T xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình 370 triệu đồng, số tiền này chị vay để thanh toán các khoản nợ thua bạc cho anh D. Trong quá trình giải quyết vụ án, tháng 11/2017, do chị Đ cần vốn làm ăn nên chị đã phải tiếp tục đi vay để trả nợ cho chị Đ. Đối với khoản vay này, chị đề nghị tự chị và anh D giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Các khoản vay khác mà anh D khai, chị H không thừa nhận.

+ Anh D khai anh chị có các khoản nợ: Nợ chị Nguyễn Thị T, địa chỉ tại thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (là chị gái anh D): 02 cây 07 chỉ vàng 9999; Nợ ông Trần Hữu P địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ anh D) 01 cây 3,5 chỉ vàng 9999; Nợ chị Trần Thị T địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình (là chị dâu anh D) 50 triệu đồng; Nợ Ngân hàng Quân đội MB – chi nhánh Thái Bình 72 triệu đồng (khế ước vay 150 triệu đồng, đã trả 78 triệu đồng).

Anh D xác định anh chị có vay ông Đỗ Xuân B 03 chỉ vàng 9999 vào năm 2013 nhưng đã trả cho ông B vào năm 2015; Đồng thời anh đề nghị Tòa án xác định anh chị có nợ chung đối với các khoản nợ của chị Nguyễn Thị T, ông P, chị Trần Thị T và Ngân hàng Quân đội, anh và chị H mỗi người có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ. Anh D không thừa nhận các khoản nợ khác mà chị H khai.

- Ông Đỗ Xuân B có yêu cầu độc lập, yêu cầu chị H, anh D có trách nhiệm trả cho ông 03 chỉ vàng 9999 do ông cho anh chị vay vào tháng 8 năm 2015 để trả nợ cho anh D.

- Ngân hàng Quân đội MB; ông Trần Hữu T; chị Phạm Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ; ông Trần Hữu P, chị Nguyễn Thị T, chị Trần Thị T đề nghị Tòa án buộc chị H anh D phải trả các khoản nợ như anh D khai, nhưng không thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập nên Tòa án sơ thẩm không thụ lý giải quyết.

- Bản án số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 147; 149; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 59; 60; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a, e khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Thu H ly hôn anh Trần Hữu D (tên gọi khác là anh Trần Quốc D).

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Trần Việt H, sinh ngày 11/12/2001 và Trần Hữu D, sinh ngày 04/8/2009 cho chị Vũ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H

mỗi con 1.500.000đ/1 tháng, hai con là 3.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2018.

3. Về chia tài sản chung: Giao cho chị Vũ Thị Thu H sở hữu nhà ở 03 tầng và công trình phụ, diện tích sử dụng 216m² xây dựng trên diện tích đất 78,84m² tại thửa số 32, tờ bản đồ địa chính số 12 tại Khu 8, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình và đồ dùng sinh hoạt gia đình gồm: 02 điều hòa, 01 bộ bàn ghế, 01 tủ đứng, 01 tivi Sony 40inch, 01 tủ lạnh Sharp, 01 đồng hồ cây, 01 đôi lục bình gỗ, 01 bể cá, 01 máy giặt Samsung, 01 giường đôi và 01 xe mô tô SH mode BKS 17B1-6776 cùng giấy tờ xe. Chị Hoài có trách nhiệm thanh toán cho anh Doanh 289.385.500 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H, anh D, ông S, bà Đ về việc xác định diện tích 78,84m² đất ở khu 8, thị trấn D hiện anh chị xây dựng nhà ở có tứ cận: Phía đông dài 10.83m giáp nhà ông Hải; phía Tây dài 10.83m giáp đường đi khu 9; phía Nam dài 7.28m giáp nhà ông Đàm; phía Bắc dài 7.28m giáp nhà ông S, bà Đ thuộc quyền sử dụng của ông S, bà Đ. Chị H, ông S, bà Đ có trách nhiệm tiến hành các thủ tục giao dịch về quyền sử dụng đất khi đã đủ điều kiện giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị C: Buộc anh D, chị H mỗi người có trách nhiệm trả bà C ½ cây vàng có giá trị 18.450.000đ;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc anh D, chị H mỗi người có trách nhiệm trả ông B 1,5 chỉ vàng có giá trị 5.535.000đ;

- Đối với yêu cầu của ông T, ông P, chị T, chị T và Ngân hàng TMCP Quân đội do không được thụ lý nên Hội đồng xét xử không xét. Ông T, ông P, chị T, chị T và Ngân hàng TMCP Quân đội có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/4/2018, bị đơn là anh Trần Hữu D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các vấn đề:

- + Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000đ/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng vì tuy anh đang có công việc và mức lương ổn định nhưng hiện tại anh đang nợ tiền nhiều người. Do vậy, anh đề nghị cấp dưỡng nuôi mỗi con 750.000đ/tháng, hai con là 1.500.000đ/tháng.

- + Về nợ chung: Anh không nhất trí với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh phải trả cho ông Đỗ Xuân B 1,5 chỉ vàng 9999 vì năm 2013, chị Hoài có

vay của ông B 3 chỉ vàng 9999 nhưng đến năm 2015 anh đã vay vàng của chị gái anh là bà T để trả cho ông B toàn bộ số vàng trên.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy các yêu cầu kháng cáo của anh Doanh không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung và phân nghĩa vụ trả nợ đối với yêu cầu của ông Đỗ Xuân B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Trần Hữu D gửi đến Tòa án ngày 12/4/2018, trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy kháng cáo là hợp lệ, được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

[1.2] Chị Vũ Thị Thu Hà và ông Đỗ Xuân B là những người có liên quan trực tiếp đến kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên chị H, ông B có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự có mặt anh D, vắng mặt chị H và ông B tại phiên tòa.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Đối với kháng cáo của anh D về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, hai con chung của anh D, chị H đang ở độ tuổi đi học, trong đó con lớn năm nay lên lớp 12, con nhỏ lên lớp 4, cần đầu tư cho việc học tập và chăm sóc sức khỏe cho các con, mức cấp dưỡng nuôi con tòa án cấp sơ thẩm đã ấn định là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thực tế cho việc nuôi dưỡng con, phù hợp với khả năng của anh D (Anh D hiện tại là sĩ quan quân đội, công việc và thu nhập ổn định, với mức lương trung bình một tháng theo tài liệu anh D xuất trình có xác nhận của đơn vị nơi công tác là 11.708.530 đồng và trình bày anh còn được hưởng phụ cấp vùng đặc biệt khó khăn là 100%). Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh D.

[2.2] Đối với việc anh D kháng cáo về trách nhiệm trả nợ ông Đỗ Xuân B, thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh D, chị H, ông B đều xác định: Anh D, chị H có vay của ông B 3 chỉ vàng 9999. Chị H và ông B xác định đến nay anh D

chị H chưa trả toàn bộ số vàng trên cho ông B. Anh D trình bày năm 2015, anh vay tiền chị gái anh là bà T để trả nợ số nợ trên cho ông B. Tại đơn đề nghị ngày 26/6/2018, 28/6/2018, 06/7/2018 ông Đỗ Xuân B vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc anh D, chị H phải trả ông 3 chỉ vàng 9999. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh D không đưa ra được các chứng cứ chứng minh việc đã trả toàn bộ số vàng trên cho ông B. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc anh D, chị H mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ cho ông B 1,5 chỉ vàng 9999 là đúng quy định tại Điều 471; khoản 1; 2 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh D.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh D không được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471; khoản 1; 2 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hữu D (tên gọi khác là Trần Quốc D). Xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình về phần cấp dưỡng nuôi con chung và trách nhiệm trả nợ chung đối với yêu cầu của ông Đỗ Xuân B.

[1.1] Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Trần Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Trần Việt H, sinh ngày 11/12/2001 và Trần Hữu D, sinh ngày 04/8/2009 cùng chị Vũ Thị Thu H, mỗi con 1.500.000 đồng/1 tháng, hai con là 3.000.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2018 đến khi từng con tròn 18 tuổi.

[1.2] Về khoản nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Xuân B, buộc anh D, chị H mỗi người có trách nhiệm trả nợ ông B 1,5 chỉ vàng 9999, có giá trị bằng 5.535.000đ (*năm triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng chẵn*)

[2] Về án phí: Anh Trần Hữu D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001388 ngày 12/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/7/2018./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình